TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: **22** /2018/HS-ST
Ngày: 02-4-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT - TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Thành Lam**
- Ông **Nguyễn Tấn Xuân**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Bá Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 02/4/2018, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Văn Minh Q - sinh năm 1990, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 32, ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đ (1963) và bà Văn Thị Ngọc Th (1967); bị cáo là con thứ hai trong gia đình có năm anh em và chưa có vợ, con; Tiền án,Tiền sự: Không; Nhân thân tốt; Bị tạm giữ từ ngày 18/01/2018 đến ngày 24/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- *Người bị hại*: Ông **Lộc Văn T** - sinh năm: 1942

Địa chỉ: số 539, tổ 12, ấp Ngô Quyền, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, ông T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2013, Văn Minh Q - sinh năm 1990, trú tại ấp V, xã B, huyện T làm thuê cho gia đình ông Lộc Văn T - sinh năm 1942, trú tại ấp N, xã B, huyện T nên Văn Minh Q có quan hệ quen biết và thường đến nhà ông Lộc Văn T để chơi.

Vào tối ngày 17/01/2018, Văn Minh Q đi bộ đến nhà ông Lộc Văn T ở ấp N, xã B, huyện T để chơi. Khi đến nơi thì thấy ông T đang ngồi sắp, xếp thiệp mời đám cưới cho con ruột, còn Q ngồi chơi cho đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì thấy có 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 5s, 32G, màu trắng của ông T để trên bàn gỗ trong phòng ngủ nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại hiệu Apple, loại Iphone 5s, 32G, màu trắng của ông T về sử dụng. Lợi dụng ông Lộc Văn T không để ý nên Văn Minh Q đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 5s, 32G, màu trắng của ông T rồi đi bộ về nhà của mình. Ông Lộc Văn T phát hiện thấy điện thoại di động Iphone 5S của mình bị mất nên ông T đã nói cho anh Lộc Nam Th (là con ruột ông T) biết, anh Th đi đến khu vực ấp V, xã B 2 thì thấy Văn Minh Q đi bộ trên đường, anh Th hỏi thì Văn Minh Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động Iphone 5S của ông T. Sau đó, anh Lộc Nam Th đã đưa Văn Minh Q đến Công an huyện T, Văn Minh Q xin đầu thú và giao nộp chiếc điện thoại di động hiệu hiệu Apple, loại Iphone 5s, 32G, màu trắng, số IMEI 352003061182141.

Quá trình điều tra bị cáo Văn Minh Q đã khai nhận về hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 92/KL-HĐĐG ngày 24/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thống Nhất keát luaän: Điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 5s, 32G, màu trắng, số IMEI 352003061182141 đã qua sử dụng của ông Lộc Văn T có trị giá 2.400.000 đồng.

Tại cáo trạng số 10/CT.VKS-HS ngày 23/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Văn Minh Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Q theo bản cáo trạng đã nêu trên và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị HĐXX phạt bị cáo mức án từ 06 đến 08 tháng tù.

"NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:"

"Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:"

[**1**] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**] Tại phiên tòa, bị cáo Văn Minh Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đúng như bản cáo trạng số 10/CT.VKS-HS ngày 23/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố.

[**3**] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, tài sản hợp pháp được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn (2.400.000đồng). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật. Việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, để có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[**4**] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 09/3/2014, bị cáo bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi (trộm cắp tài sản) nhưng công an huyện T thừa nhận chưa tống đạt quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho Q thực hiện việc nộp phạt nên được xác định bị cáo Q chưa có tiền sự, như vậy bị cáo có nhân thân tốt.

Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà giao bị cáo về cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý giám sát trong thời gian thử thách là đủ. Cần áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015 cho bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn xét miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 5s, 32G, màu trắng, số IMEI 352003061182141 là tài sản của ông Lộc Văn T. Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện Thống Nhất đã trao trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lộc Văn T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo Q bồi thường gì thêm nên HĐXX không phải xét trong quyết định của bản án này.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYEÁT ÑÒNH:

Tuyên bố bị cáo Văn Minh Q phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Văn Minh Q 06 (sáu) tháng tù nhưng xét cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách của bị cáo là 01(một) năm tính từ ngày tuyên án ngày 02/4/2018. Giao bị cáo Văn Minh Q cho UBND xã B và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Văn Minh Q phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND t. Đồng Nai;
- CA H. Thống Nhất;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quang Phúc